

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1344/QĐ-ĐHKTQD ngày 26 tháng 7 năm 2021  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)

CHƯƠNG TRÌNH/PROGRAMME:	<b>CỬ NHÂN KINH TẾ PHÁT TRIỂN</b> /BACHELOR OF DEVELOPMENT ECONOMICS
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO/LEVEL OF EDUCATION:	ĐẠI HỌC/UNDERGRADUATE
NGÀNH ĐÀO TẠO/MAJOR:	<b>DEVELOPMENT ECONOMICS</b>
MÃ NGÀNH/CODE:	<b>7310150</b>
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO/TYPE OF EDUCATION:	CHÍNH QUY/FULL - TIME
NGÔN NGỮ ĐÀO TẠO/LANGUAGE	TIẾNG VIỆT/VIETNAMESE
THỜI GIAN ĐÀO TẠO/DURATION TIME	4 NĂM/ 4 YEARS

### 1. MỤC TIÊU

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Kinh tế phát triển có kiến thức rộng, đồng bộ về lĩnh vực kinh tế; đặc biệt, nắm chắc các nguyên lý phát triển kinh tế, bao gồm: nội hàm của phát triển và phát triển bền vững kinh tế, xu hướng phát triển nền kinh tế, các yếu tố chi phối, vận động chủ yếu trong các nền kinh tế đang phát triển và giải pháp chính sách thực hiện quá trình phát triển kinh tế ở các cấp: quốc gia, ngành, lĩnh vực, các vùng, các địa phương (tỉnh, huyện, xã), các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ, các đơn vị kinh tế thuộc mọi thành phần kinh tế.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

- Về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm: đạt chuẩn đầu ra theo quy định tại Thông tư 07/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cụ thể:

+ Về kiến thức: Có đủ kiến thức để phân tích, đánh giá, và quản lý quá trình phát triển của quốc gia, ngành, địa phương và các tổ chức kinh tế - xã hội.

+ Về kỹ năng: Có khả năng thực hành tốt các kỹ năng nghề nghiệp. Kỹ năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm, khả năng truyền đạt vấn đề và đưa ra giải pháp để giải quyết vấn đề tại nơi làm việc; có tư duy và kỹ năng phản biện; Có thể đọc hiểu các

tài liệu bằng tiếng Anh. Sử dụng máy tính thành thạo để thực hiện các nhiệm vụ văn phòng và phục vụ hoạt động nghiên cứu

+ Về năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm: Có đủ năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm với các công việc mình đảm trách trong khuôn khổ tuân thủ các quy định, quy tắc và định hướng chung.

- **Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp:** Cử nhân ngành Kinh tế Phát triển có thể làm việc tại:

+ Các đơn vị kinh tế (doanh nghiệp, tổ chức tài chính tín dụng, các đơn vị sự nghiệp công...) ở các vị trí quản lý điều hành, tham mưu hoạch định, chiến lược chính sách

+ Các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương trong lĩnh vực quản lý kinh tế đặc biệt là các cơ quan làm việc trong môi trường quốc tế;

+ Các tổ chức và đối tác phát triển (như WB, ADB, UN, FAO...);

+ Các tổ chức phi chính phủ về phát triển (DIFID, SIDA, CIDA, OXFAM...);

+ Các viện nghiên cứu kinh tế, các trường đại học, cao đẳng các tổ chức tư vấn trong nước và quốc tế;

- **Trình độ ngoại ngữ và tin học:** Đạt chuẩn đầu ra về Ngoại ngữ và Tin học theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

## 2. CHUẨN ĐẦU RA

CDR	Mô tả	Mã CDR
<b>Chuẩn đầu ra về kiến thức</b>	Sinh viên có nhận thức, hiểu biết kiến thức cơ bản về lý luận chính trị CN Mác-Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học, tư tưởng HCM và Đường lối cách mạng của Đảng CSVN, hiểu biết về pháp luật Việt Nam để từ đó ứng dụng vào học tập, nghiên cứu các môn học khác, vận dụng vào phân tích và giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội trong thực tiễn.	CDR1
	Sinh viên hiểu và vận dụng các kiến thức toán kinh tế, xác suất thống kê, các nguyên lý cơ bản của kinh tế thị trường, tài chính tiền tệ và hạch toán kế toán vào giải thích và phân tích các hoạt động của nền kinh tế ở cả cấp độ vi mô và vĩ mô	CDR2
	Sinh viên có kiến thức an ninh quốc phòng và kiến thức giáo dục thể chất để tự rèn luyện về thể chất.	CDR3
	Sinh viên có khả năng thể hiện sự hiểu biết và phân tích được quá trình phát triển của nền kinh tế; phân tích được ảnh hưởng của môi trường kinh tế ở cả góc độ vĩ mô và vi mô tới quá trình phát triển của các quốc gia nói chung và Việt Nam nói riêng	CDR4

<b>CĐR</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Mã CĐR</b>
	Sinh viên nắm vững khung phân tích tổng thể và tổ chức hoạt động phát triển; tổng hợp thành các vấn đề mang tính quy luật chi phối sự phát triển.	CĐR5
	Sinh viên có khả năng lựa chọn và sử dụng các mô hình, công cụ phân tích đánh giá và hoạch định phát triển	CĐR6
<b>Chuẩn đầu ra về kỹ năng</b>	Sinh viên có khả năng tích hợp kiến thức, kỹ năng phân tích định tính và định lượng các vấn đề thực tiễn phát triển	CĐR7
	Sinh viên có kỹ năng lập, tổ chức thực hiện, theo dõi đánh giá chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chương trình - dự án phát triển	CĐR8
	Sinh viên có kỹ năng giao tiếp, đọc, viết, thuyết trình, trao đổi, phản biện các nội dung chuyên môn	CĐR9
	Sinh viên có khả năng làm việc độc lập, khả năng thích ứng và kỹ năng làm việc nhóm,; Sinh viên có đủ sức khỏe và có những kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng.	CĐR10
<b>CĐR Tin học</b>	Chuẩn đầu ra tin học (chứng chỉ tin học quốc tế MOS/IC3/ ICDL) theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.	CĐR11
<b>CĐR Ngoại ngữ</b>	Chuẩn đầu ra ngoại ngữ (chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS 5.5 và tương đương) theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	CĐR12
<b>Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm</b>	Sinh viên có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; có hiểu biết, tôn trọng và chấp hành nghiêm pháp luật Nhà nước. Biết tuân thủ quy tắc, quy định của cơ quan, tổ chức, địa phương	CĐR13
	Sinh viên có thái độ chuyên nghiệp, tự tin; Chịu được áp lực công việc; Sáng tạo và có chính kiến; Biết lắng nghe và tư duy phản biện.	CĐR14

### **3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 129 tín chỉ**

**4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:** Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

**5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP:** Theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

**6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ:** Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

## 7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

### 7.1. Cấu trúc cơ bản

**Bảng 1. Các khối kiến thức trong CTĐT**

Kiến thức	Số TC	Ghi chú
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>44</b>	
1.1. Các học phần chung	20	Khoa học chính trị và Ngoại ngữ
1.2. Các học phần của Trường	12	04 học phần chung của Trường
1.3. Các học phần của ngành	12	04 học phần chung của lĩnh vực
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>85</b>	
<i>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</i>	<b>15</b>	05 HP chung của nhóm ngành
<i>2.2. Kiến thức ngành</i>	<b>42</b>	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	27	
2.2.2. Các học phần tự chọn	15	SV tự chọn 15 tín chỉ (5 học phần)
<i>2.3. Kiến thức chuyên sâu</i>	<b>18</b>	SV tự chọn 18 tín chỉ (6 học phần)
<i>2.4. Khóa luận tốt nghiệp</i>	<b>10</b>	
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>129</b>	Không kể GDQP & AN và GDTC

### 7.2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy

- Nội dung cần đạt được, khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) của từng học phần trong chương trình được mô tả ở đề cương chi tiết mỗi học phần.

- Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy (dự kiến 04 năm/08 học kỳ, mỗi kỳ 12-18 tín chỉ) được mô tả theo bảng dưới đây:

**Bảng 2. Nội dung và kế hoạch giảng dạy**

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Kinh tế phát triển)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiền quyết
	<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>			<b>44</b>		
	<i>1.1. Các học phần chung</i>			<b>20</b>		
<b>1</b>	1	Triết học Mác - Lênin Marxist-Leninist Philosophy	LLNL1105	3	I	
<b>2</b>	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin Political Economics of Marxism and Leninism	LLNL1106	2	II	

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Kinh tế phát triển)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiền quyết
3	3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	LLNL1107	2	V	
4	4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History	LLDL1102	2	IV	
5	5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2	III	
6	6	Ngoại ngữ Foreign Language	NNKC	9	I-II-III	
	7	Giáo dục thể chất Physical Education	GDTC	4		
	8	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Military Education	GDQP	8-11		
<b>1.2. Các học phần của Trường</b>				<b>12</b>		
7	1	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	TOCB1110	3	I	
8	2	Pháp luật đại cương Fundamentals of Laws	LUCS1129	3	I	
9	3	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1	KHMI1101	3	I	
10	4	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1	KHMA1101	3	I	
<b>1.3. Các học phần của ngành</b>				<b>12</b>		
11	1	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh Statistics for Economics and Business	TKKD1129	3	III	TOKT1106
12	2	Lý thuyết xác suất và thống kê toán Probability and Mathematical Statistics	TOKT1145	3	II	
13	3	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	KTKE1101	3	II	
14	4	Lý thuyết tài chính tiền tệ Monetary and Financial Theories	NHLT1107	3	III	
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>				<b>85</b>		
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>				<b>15</b>		
15	1	Kinh tế quốc tế International Economics	TMKQ1123	3	III	KHMI1101, KHMA1101
16	2	Kinh tế lao động Labor Economics	NLKT1115	3	III	KHMI1101, KHMA1101
17	3	Kinh tế phát triển Development Economics	PTKT1128	3	IV	KHMI1101, KHMA1101
18	4	Kinh tế và quản lý môi trường Environmental Economics and Management	MTKT1104	3	IV	KHMI1101, KHMA1101

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Kinh tế phát triển)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
19	5	Kinh tế đầu tư Investment Economics	DTKT1154	3	II	KHMI1101, KHMA1101
	<b>2.2. Kiến thức ngành</b>			<b>42</b>		
	<b>2.2.1 Các học phần bắt buộc</b>			<b>27</b>		
20	1	Dự báo kinh tế xã hội 1 Social - Economic Forecasting 1	PTCC1126	3	V	KHMI1101, KHMA1101, TOKT1106, TOKT1101
21	2	Kinh tế công cộng 1 Public Economics 1	PTCC1103	3	V	KHMI1101
22	3	Kế hoạch hóa phát triển 1 Development Planning 1	PTKT1119	3	V	PTKT1128
23	4	Chiến lược phát triển Development Strategy	PTCC1104	3	VI	PTCC1103, PTKT1128
24	5	Quản trị tiên liệu Anticipatory Governance	PTCC1132	3	VII	PTKT1119, PTCC1126
25	6	Kinh tế phát triển 1 Development Economics 1	PTKT1102	3	V	PTKT1128
26	7	Kinh tế và chính sách phát triển vùng Regional Economics and Policies	PTCC1122	3	VI	PTKT1128
27	8	Phương pháp nghiên cứu kinh tế - xã hội Socio-Economic research Methods	PTCC1128	3	V	TOCB1110
28	9	Kinh tế học thể chế Institutional Economics	PTKT1127	3	VII	KHMI1101, KHMA1101, PTKT1128
	<b>2.2.2 Các học phần tự chọn</b> (SV tự chọn 05 học phần trong tổ hợp)			<b>15</b>		
29 30 31 32 33	1	Quản trị kinh doanh 1 Business Management 1	QTTH1102	3	II	KHMI1101
	2	Marketing căn bản Principles of Marketing	MKMA1104	3	II	KHMI1101
	3	Quản trị chiến lược Strategic Management	QTKD1132	3	IV	
	4	Kinh tế nông thôn Rural Economics	TNKT1111	3	IV	KHMI1101, KHMA1101
	5	Kinh tế đô thị Urban Economics	MTDT1115	3	IV	KHMI1101, KHMA1101
	6	Phát triển bền vững Sustainable Development	PTKT1129	3	VII	PTKT1102
	7	Kinh tế lượng 1 Econometrics 1	TOKT1101	3	IV	KHMI1101, KHMA1101, TOKT1106
	8	Quản lý phát triển Development Management	PTKT1121	3	IV	PTKT1128

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Kinh tế phát triển)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	9	Quản lý dịch vụ công Public Services Management	QLXH1105	3	VII	
	10	Kinh tế học biến đổi khí hậu Economics of Climate Change	MTKH1103	3	IV	KHMI1101, KHMA1101
	<b>2.3. Kiến thức chuyên sâu</b> (SV tự chọn 6 HP trong 01 tổ hợp)			<b>18</b>		
	<b>Kinh tế Phát triển</b>					
<b>34 - 39</b>	1	Kinh tế phát triển 2 Development Economics 2	PTKT1111	3	VI	PTKT1102
	2	Dự báo kinh tế xã hội 2 Social -Economic Forecasting 2	PTCC1127	3	VI	PTCC1126
	3	Theo dõi và đánh giá phát triển Development Monitoring and Evaluation	PTCC1129	3	VII	PTKT1119
	4	Kinh tế công cộng 2 Public Economics 2	PTCC1121	3	VI	PTCC1103
	5	Chính sách phát triển Development Policy	PTKT1117	3	VII	PTKT1128
	6	Kinh tế học so sánh Comparative Economics	PTKT1126	3	VI	PTKT1128
	<b>Kế hoạch</b>					
<b>34 - 39</b>	1	Kế hoạch hóa phát triển 2 Development Planning 2	PTKT1108	3	VI	PTKT1119
	2	Theo dõi và đánh giá phát triển Development Monitoring and Evaluation	PTCC1129	3	VI	PTKT1119
	3	Chương trình và dự án phát triển Development Programs and Projects	PTCC1105	3	VII	PTCC1129
	4	Hệ thống tài khoản quốc gia System of National Accounts	TKKT1101	3	VII	TOKT11
	5	Kế hoạch kinh doanh Business Planning	PTKT1109	3	VII	PTCC1104
	6	Quy hoạch phát triển Spatial Development Planning	PTCC1116	3	VI	PTKT1128
<b>40</b>	<b>Khóa luận tốt nghiệp</b> <i>Graduation Thesis</i>		PTKT1130	<b>10</b>	VIII	
	<b>Tổng số tín chỉ</b>			<b>129</b>		

## 8. Hướng dẫn thực hiện

- Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 04 năm, mỗi năm có 02 hoặc 03 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ, phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.
- Sinh viên nhập học được đăng ký học mặc định trong học kỳ 1, các học kỳ sau sinh viên tự đăng ký học theo kế hoạch giảng dạy của trường. Các học phần

được sắp xếp linh hoạt theo từng học kỳ, sinh viên có thể đăng ký học trước hoặc sau các học phần, không bắt buộc theo trình tự của kế hoạch dự kiến nếu đáp ứng các điều kiện của học phần đăng ký.

➤ Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.

➤ Nội dung cần đạt được của từng học phần được mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

➤ Khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) và cách đánh giá học phần được quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần.

➤ Điều kiện tốt nghiệp: sinh viên tích lũy đủ khối lượng kiến thức của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra Tin học và Ngoại ngữ, có chứng chỉ GDQP và AN, hoàn thành các học phần GDTC và các quy định khác của trường.

**TRƯỞNG KHOA**

**HIỆU TRƯỞNG**

**PGS.TS. Nguyễn Ngọc Sơn**

**PGS.TS Phạm Hồng Chương**